

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN PETEC
NĂM BÁO CÁO: 2021



I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3700791715
- Vốn điều lệ : 71.925.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 71.925.500.000 đồng
- Địa chỉ: Lô G1-9 , Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên , Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: (0274) 3652 768 – (0274) 3652 769
- Số fax: (0274) 3652 766
- Website: www.peteclogistics.com.vn
- Mã cổ phiếu: PLO

Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày thành lập: 11/4/2007

+ CTCP Kho vận Petec được Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT) tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 11/04/2007 với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 đồng. Từ khi thành lập đến nay Công ty chỉ thực hiện 01 lần phát hành vào ngày 31/03/2009, tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng lên 71.925.500.000 đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho đối tượng khác.

+ Các mốc sự kiện quan trọng :

Năm 2007: Công ty xây dựng mới hệ thống kho có tổng diện tích 150.000 m². Trong năm 2007 hoàn tất xây dựng kho đầu tiên diện tích 23.000 m², và đã được Tổng Cục Hải Quan cấp phép thành lập Kho Ngoại Quan.

Năm 2009: Công ty tiếp tục xây dựng thêm 30.000 m² kho bao gồm kho nội và kho ngoại quan. Với trang thiết bị hiện đại, tọa lạc tại KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nằm trên con đường huyết mạch từ Tây Nguyên xuống các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Tp.Hồ Chí Minh, có nhiều thuận lợi cho hoạt động logistics như đường giao thông thuận lợi cách trung tâm Tp.Hồ Chí Minh 30 km (50 phút), cảng Sài Gòn khoảng 25 km (45 phút), cảng hàng không Tân Sơn Nhất khoảng 30 km (40 phút), cảng kho Sóng Thần 14 km (15 phút). Ngoài ra, Công ty còn có mạng lưới các chi nhánh hoạt động rộng khắp trên lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới rất thuận lợi cho quý khách hàng đảm bảo được sự lưu trữ, bảo quản và lưu thông hàng hóa an toàn, nhanh chóng và hiệu quả nhất với chi phí hợp lý nhất.

Công ty tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) lên 71.925.500.000 đồng (Bảy mươi một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm đồng).

Năm 2011: Công ty thành lập 02 chi nhánh tại địa chỉ 63 Đào Duy Anh, Tp.Hồ Chí Minh và Tổ

2, ấp Long Bình, tỉnh Tây Ninh. Trong năm Công ty cũng thành lập thêm 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại địa chỉ số 94, đường DT 744, tỉnh Bình Dương.

Năm 2013: Công ty đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 1 tại số 308/04 đường ĐT747B, tỉnh Bình Dương và thành lập mới 01 nhà máy chế biến nông sản tại địa chỉ số 202 đường ĐT747B, tỉnh Bình Dương.

Năm 2015: Công ty tiếp tục đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 2 tại số ấp Tân Lập, xã An Điền, tỉnh Bình Dương và thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 63 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

Năm 2017: Công ty thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 81/15 Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

Năm 2019: Công ty thuê cửa hàng xăng dầu tại Tỉnh Đắk Nông và thành lập chi nhánh Đắk Nông chuyên bán lẻ kinh doanh xăng dầu.

Năm 2020: Công ty đã chấm dứt hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu tại Tỉnh Đắk Nông. Tháng 10/2020, để thúc đẩy việc bán lẻ kinh doanh xăng dầu. Công ty đã thuê thêm 01 cửa hàng tại Huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động trong lĩnh vực logistics và buôn bán xăng dầu

- Địa bàn kinh doanh:

+ Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

+ Các Quận tại Thành Phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội Đồng Quản trị:

Ông: Hoàng Minh Tuấn

Chủ tịch

Ông: Huỳnh Xuân Hồng

Thành Viên

Ông: Vũ Anh Cường

Thành Viên (Miễn nhiệm ngày 14/01/2022)

Ông: Bùi Minh Hiệp

Thành Viên (Bỏ nhiệm ngày 14/01/2022)

Ban Giám Đốc:

Ông: Huỳnh Xuân Hồng

Giám Đốc

Ông: Lý Hoài Nam

Phó Giám Đốc

Ban Kiểm soát:

Ông: Bùi Minh Hiệp

Ông: Hoàng Anh Tuấn

Bà: Trần Thị Thanh Thủy

Ông: Vũ Xuân Hiền

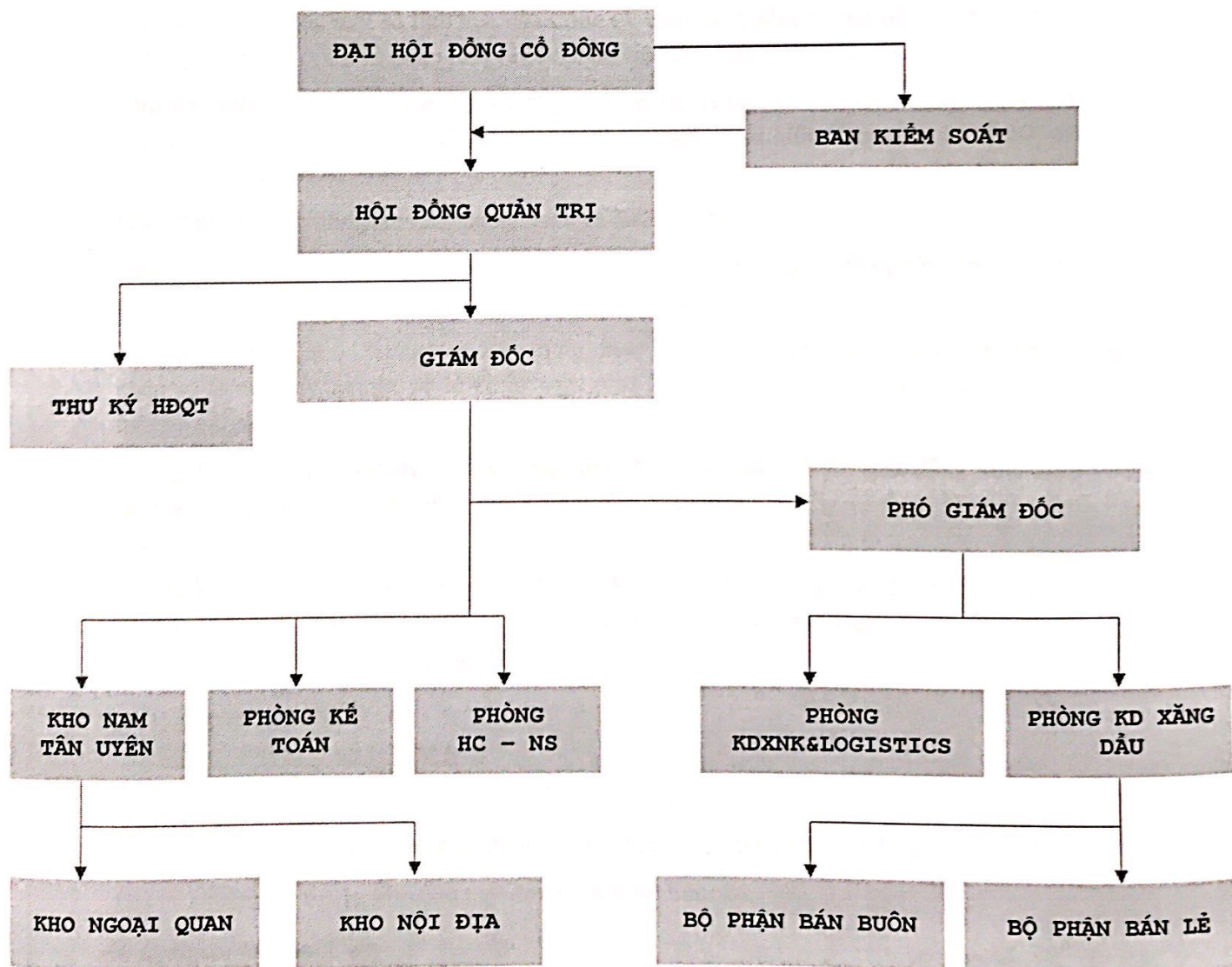
Trưởng Ban (Miễn nhiệm ngày 14/01/2022)

Trưởng Ban (Bỏ nhiệm ngày 14/01/2022)

Thành Viên (Bỏ nhiệm ngày 14/01/2022)

Thành Viên

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Đại Hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Giám Đốc: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc.

Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Thư ký HĐQT: Thư ký HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người có nhiệm vụ hỗ trợ và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Kho Nam Tân Uyên: gồm Kho ngoại quan và Kho nội địa.

Phòng Kế toán: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kế toán của Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng Hành chính – Nhân sự: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động hành chính và nhân sự toàn Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng KDXNK và Logistics: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và logistics trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng Kinh doanh Xăng dầu: gồm Bộ phận bán buôn và Bộ phận bán lẻ; trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

- Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty mẹ:** không có
- **Công ty con, công ty liên kết:**

Công ty cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng Dầu

Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giá trị khoản đầu tư: 10.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 26,11%.

4. Định hướng phát triển:

▪ **Mục tiêu hoạt động chủ yếu:**

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

▪ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hiện tại với đội ngũ cán bộ, công nhân viên đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cao hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động kinh doanh xăng dầu và hoạt động cho thuê kho; đồng thời đặt mục tiêu giải quyết các khoản nợ xấu theo đúng quy định của pháp luật và có hiệu quả là ưu tiên hàng đầu.

Nâng cao trình độ, kinh nghiệm và khuyến khích động viên người lao động vì lợi ích chung của Công ty. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty tự tìm kiếm hoặc liên doanh, liên kết với đơn vị kinh tế khác để tổ chức sản xuất, kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích hài hòa cho các cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

5. Các rủi ro:

- Năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực sâu rộng đến toàn bộ hoạt động sản xuất cũng như làm gián đoạn, đứt gãy các chuỗi cung ứng hàng hóa trên thế giới. Riêng tại Việt Nam, đặt biệt từ đầu tháng 05/2021, tình hình dịch Covid bùng phát mạnh dẫn đến việc chính quyền các địa phương phải phong tỏa hoạt động đi lại, mua bán, thương mại gây khó khăn rất lớn đối với toàn bộ các doanh nghiệp. Các khách hàng đang thuê kho bắt buộc phải thu hẹp hoạt động sản xuất cũng như giảm nhu cầu lưu trữ hàng hóa tại kho và có công văn đề nghị Công ty giảm giá thuê kho để có thể duy trì tiếp tục hoạt động tại kho. Trước tình hình khó khăn chung, Công ty đã cố gắng đàm phán giảm một phần tiền thuê kho một cách hợp lý nhất cho khách hàng hiện hữu nhằm chia sẻ khó khăn và cùng khách hàng duy trì ổn định hoạt động kinh doanh qua thời điểm đó.
- Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực một cách sâu rộng đến toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng mặc dù việc tiêm chủng vắc-xin đã được triển khai ở nhiều nước. Đây là một nguy cơ tiềm ẩn có thể gây khó khăn cho việc phục hồi kinh tế ở bất kỳ thời điểm nào do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan.
- Việt Nam có nhiều biện pháp kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Covid-19 lây lan trong

cộng đồng cũng như việc triển khai tiêm vắc-xin từ cuối năm 2021 tạo tâm lý vững vàng và niềm tin vào việc phục hồi và duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào thị trường Việt Nam.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh so với năm 2020:

CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay	So với năm trước (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	69,259,294,316	82,312,293,451	118.85%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69,259,294,316	82,312,293,451	118.85%
3.1 Doanh thu dịch vụ cho thuê kho	16,411,610,818	17,098,627,017	
3.2 Doanh thu bán lẻ xăng dầu	5,604,261,762	14,420,254,612	
3.3 Doanh thu bán buôn xăng dầu	47,243,421,736	50,793,411,822	
4. Giá vốn hàng bán	58,180,829,397	71,001,594,795	122.04%
4.1 Giá vốn dịch vụ cho thuê kho	6,728,003,769	7,187,262,270	
4.2 Giá vốn bán lẻ xăng dầu	5,255,315,343	13,485,176,332	
4.3 Giá vốn bán buôn xăng dầu (Chưa bao gồm phí vận chuyển - hoa hồng MG)	46,197,510,285	50,329,156,193	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,078,464,919	11,310,698,656	102.10%
5.1 Lợi nhuận gộp dịch vụ cho thuê kho	9,683,607,049	9,911,364,747	
5.2 Lợi nhuận gộp bán lẻ xăng dầu	348,946,419	935,078,280	
5.3 Lợi nhuận gộp bán buôn xăng dầu	1,045,911,451	464,255,629	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	37,858,228	40,849,375	
6.1 Lãi tiền gửi	4,198,972	932,640	
6.2 Chênh lệch tỷ giá	33,659,256	39,916,735	
7. Chi phí tài chính	2,767,639,240	2,256,321,137	81.53%
7.1 Chi phí lãi vay	2,767,639,240	2,256,321,137	81.53%
7.2 Chênh lệch tỷ giá	0	0	
8. Chi phí bán hàng - kinh doanh xăng dầu	2,656,134,299	2,241,469,483	84.39%
8.1 Chi phí lương và các khoản có tính chất lương	1,175,841,812	1,215,424,650	
8.2 Chi phí tiếp khách, vận chuyển, hoa hồng và chi phí khác	1,480,292,487	1,026,044,833	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,073,399,541	4,402,504,168	108.08%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,619,150,067	2,451,253,243	151.39%
11. Thu nhập khác, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(166,996,122)	925,533,040	
11.1 Thu nhập khác	242,959,393	166	
11.2 Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(409,955,515)	925,532,874	
12. Chi phí khác	34,031,750	826,672,700	
13. Lợi nhuận khác	(201,027,872)	98,860,340	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,418,122,195	2,550,113,583	179.82%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	
17. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	1,418,122,195	2,550,113,583	179.82%

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	197	355
------------------------------	-----	-----

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận của năm 2021, cụ thể:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	(%) So với kế hoạch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	82,312,293,451	104,100,000,000	79.07%
2. Giá vốn hàng bán	71,001,594,795	92,000,000,000	77.18%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,310,698,656	12,100,000,000	93.48%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	40,849,375		
5. A- Chi phí tài chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2,256,321,137	2,500,000,000	90.25%
- Trong đó : chi phí lãi vay	2,256,321,137		
6. Chi phí bán hàng	2,241,469,483	2,800,000,000	80.05%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,402,504,168	4,400,000,000	100.06%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,451,253,243	2,400,000,000	102.14%
9. Thu nhập khác, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	925,533,040		
9.1 Thu nhập khác	166		
9.2 Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	925,532,874		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec Land	20,000,000		
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn- Petec	905,532,874		
10. Chi phí khác	826,672,700		
10.1 Dự phòng nợ phải thu khó đòi CHXD số 1	6,672,700		
10.2 Chi phí phải trả khác - CHXD Ngọc Diệp	750,000,000		
10.3 Chi phí phải trả khác - Chứng khoán	70,000,000		
11. Lợi nhuận khác	98,860,340		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,550,113,583	2,400,000,000	106.25%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Ban Điều Hành:

Ông: Huỳnh Xuân Hồng

Giám Đốc

Ông: Lý Hoài Nam

Phó Giám Đốc

Ông: Mai Huy Hoàng

Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/03/2022)

Cơ cấu người lao động

A	Theo trình độ	31	100,00%
1	Đại học	12	38%
2	Cao đẳng	8	25%
3	Khác	11	37%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	33	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	31	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài chính:

CHỈ TIÊU	Thực hiện	Kế hoạch	(%) so với kế hoạch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82,312,293,451	104,100,000,000	79%
Giá vốn hàng bán	71,001,594,795	92,000,000,000	77%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,310,698,656	12,100,000,000	93%
Chi phí tài chính	1,330,788,263	2,500,000,000	53%
<i>Trong đó : Lãi vay</i>	2,256,321,137	2,500,000,000	90%
Chi phí bán hàng	2,241,469,483	2,800,000,000	80%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,159,176,868	4,400,000,000	117%

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2021

Lợi nhuận sau khi trích dự phòng và thuế thu nhập doanh nghiệp	2,550,113,583	2,400,000,000	106%
--	---------------	---------------	------

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	0.11	0.12	3.29%
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.10	0.08	-22.55%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	124.64%	118.63%	-4.82%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-505.81%	-636.64%	25.87%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	159.97	89.19	-44.25%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1.75	2.14	22.00%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2.05%	3.10%	51.31%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	-13.73%	-30.55%	122.57%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	3.59%	6.62%	84.59%
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	1.72%	3.18%	84.87%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tính đến ngày 31/3/2022 Vốn điều lệ của Công ty như sau:

+ Vốn điều lệ: 71.925.500.000 VNĐ

+ Số lượng cổ phần : 7.192.550 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/3/2022:

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
1	Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP	0300649476	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	2.020.000	28,08%

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2021

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
2	CTCP Bất Động Sản & Kỹ Thuật Xăng Dầu (PETEC LAND)	0305767547	51 Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	800.000	11,12%
3	Huỳnh Xuân Hồng	024364268	78C17 Phạm Ngũ Lão, Phường 13, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	618.487	8,6%
4	Ngân hàng TMCP Đông Á	0301442379	130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	540.000	7,51%
Tổng cộng				3.978.487	55,31%

Cổ đông sáng lập:

Công ty Cổ phần Kho vận Petec được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/04/2007. Do đó, theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	430	7.192.550	100,00%
	<i>Tổ chức</i>	05	3.041.000	42,28%
	<i>Cá nhân</i>	425	4.151.550	57,72%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	430	7.192.550	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Nam Tân Uyên và mua điện trực tiếp tại Điện lực Bình Dương.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty đã sử dụng nguồn nước do Công ty cấp nước Bình Dương cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống thải tập trung của KCN, không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn thực hiện đúng bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/3/2021)

Cơ cấu người lao động

A	Theo trình độ	31	100,00%
1	Đại học	12	38%
2	Cao đẳng	8	25%
3	Khác	11	37%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	33	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	31	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2021, hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty đã ổn định, một số mục tiêu chủ yếu đối với kinh doanh xăng dầu đã đạt được:

- Duy trì dòng tiền, thanh khoản cho hoạt động SXKD của Công ty với tổng doanh thu 65 tỷ/năm (bình quân: 5,5 tỷ đồng/tháng) đã đảm bảo cho việc đảo nợ ngân hàng, không phát sinh nợ quá hạn.

- Công nợ đối với khách hàng xăng dầu không thay đổi, nợ luân chuyển đối với khách hàng bán buôn duy trì ở mức 1,1 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp của kinh doanh xăng dầu là: 1,399 tỷ đồng (Tổng sản lượng: 3.894 m³, trong đó, bán buôn: 3.157 m³; bán lẻ là 737 m³).

+ Bán buôn đạt lợi nhuận gộp 464 trđ/tổng chi phí 767 trđ (chi phí bao gồm: lương nhân viên P.XD, vận chuyển, hoa hồng...) đạt mục đích đề ra, lợi nhuận gộp bình quân 147đ/lít.

+ Bán lẻ đạt lợi nhuận gộp 935 trđ/tổng chi phí 1,473 tỷ đồng (chi phí bán lẻ xăng dầu tăng thêm 149 trđ so với mức 1,324 tỷ của năm 2020), lợi nhuận gộp bình quân là: 1.268 đ/lít.

Một số yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động KDXD:

● Khu vực CHXD số 01 ở Bình Dương và CHXD Củ Chi, Tp.HCM có nhiều cây xăng cùng tọa lạc trên cùng một tuyến đường với khoảng cách gần nhau nên mức độ cạnh tranh rất gay gắt.

- Việc phong tỏa các hoạt động đi lại trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát làm giảm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu. Ngoài ra, việc tổ chức làm việc ba tại chỗ theo quy định của chính quyền trong thời gian phong tỏa đã làm phát sinh rất nhiều chi phí để duy trì hoạt động cho các CHXD.

Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu:

Mảng kinh doanh này được xây dựng trên kế hoạch năm 2021 với doanh thu 0,2 tỷ và lợi nhuận 0,1 tỷ, chủ yếu phục vụ cho hệ thống cây xăng của Tổng Công ty Petec trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực hiện có của Công ty. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan cũng như sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cung cấp dịch vụ này, dẫn đến công ty không có doanh thu đối với hoạt động này.

3. Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ phụ trợ kho:

- Năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực sâu rộng đến toàn bộ hoạt động sản xuất cũng như làm gián đoạn, đứt gãy các chuỗi cung ứng hàng hóa trên thế giới. Riêng tại Việt Nam, đặt biệt từ đầu tháng 05/2021, tình hình dịch Covid bùng phát mạnh dẫn đến việc chính quyền các địa phương phải phong tỏa hoạt động đi lại, mua bán, thương mại gây khó khăn rất lớn đối với toàn bộ các doanh nghiệp. Các khách hàng đang thuê kho bắt buộc phải thu hẹp hoạt động sản xuất cũng như giảm nhu cầu lưu trữ hàng hóa tại kho và có công văn đề nghị Công ty giảm giá thuê kho để có thể duy trì tiếp tục hoạt động tại kho. Trước tình hình khó khăn chung, Công ty đã cố gắng đàm phán giảm một phần tiền thuê kho một cách hợp lý nhất cho khách hàng hiện hữu nhằm chia sẻ khó khăn và cùng khách hàng duy trì ổn định hoạt động kinh doanh qua thời điểm đó.

- Công ty phải phát sinh rất nhiều chi phí cho việc duy trì hoạt động ba tại chỗ cho cán bộ, nhân viên theo quy định của chính quyền địa phương trong thời gian phong tỏa để phòng chống dịch.

- Cuối tháng 12/2021, do hoạt động kinh doanh khó khăn nên khách hàng Công ty Bao bì Nông sản Miền nam đã thông báo trả lại kho thuê có diện tích 2.778m² do hết hợp đồng. Hiện Công ty nỗ lực tìm kiếm và đàm phán cho khách hàng mới thuê phần diện tích còn trống này.

4. Chuyển nhượng và thanh lý tài sản:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua Tờ trình về việc chuyển nhượng CHXD số 01 tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết để chỉ đạo và cùng phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc tìm kiếm các khách hàng tiềm năng có nhu cầu nhận chuyển nhượng. Công ty đã tổ chức bán đấu giá tài sản lần thứ nhất vào tháng 09/2019 qua Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An nhưng không thành công do chỉ có một khách hàng đăng ký tham gia đấu giá. Trong năm 2020 và 2021 HĐQT và Ban Điều hành đã nỗ lực giới thiệu nhưng vẫn chưa có khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá mua tài sản với mức giá như kỳ vọng nên đến nay vẫn chưa thể hoàn thành công việc này.

5. Tình hình tài chính và công nợ:

Hiện với phần tài sản (40.000m² đất và 23.328 m² kho), trong đó phần đất đã được chủ đầu tư KCN đóng đủ tiền thuê đất 1 lần cho Nhà Nước, Ngân hàng OCB đã định giá và ký hợp đồng tín dụng mới với Công ty từ tháng 11/2021, với hạn mức tín dụng mới là 30,322 tỷ, dư nợ đầu kỳ (tháng 04/2021) là 28,147 tỷ, dư nợ cuối kỳ (tháng 03/2022) là: 26,237 tỷ, hạn mức khả dụng cuối kỳ của Công ty là: 4,085 tỷ.

Trong năm Công ty đã giảm được 691 Trđ trong khoản nợ kinh doanh xăng dầu cho Tổng Công ty PETEC (từ mức 4,899 tỷ xuống còn 4,208 tỷ), hiện công nợ lưu chuyển Công ty đang cho khách hàng nợ ở mức 1,1 tỷ đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Về xử lý nợ xấu, trong năm 2021 Hội Đồng Quản Trị đã tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tích cực triển khai các biện pháp nhằm thu hồi nợ xấu, tuy nhiên kết quả đạt được là không khả quan. Nguyên nhân là: một số khách hàng có dính dáng pháp luật và chủ doanh nghiệp đã trốn khỏi nơi cư trú, có khách hàng thì nợ quá lớn và tài sản đã bị ngân hàng xử lý hết, có khách hàng thì tài sản đang bị tranh chấp...

Tổng công nợ xấu, quá hạn không có khả năng thu hồi là 18.355.080.399 đồng. Trong đó:

+ Nợ quá hạn các năm trước là 17.598.407.699 đồng.

+ Nợ quá hạn phát sinh thêm trong năm 2020 là 33 trđ, do khách nợ của CHXD số 1 đang gặp khó khăn về tài chính, chưa thanh toán được số tiền đã mua. Tính đến thời điểm tháng 03/2022, Công ty đã trích nợ dự phòng khó đòi đối với khách hàng là 50% trên số nợ khó đòi (trong năm 2021 trích thêm 6,6 triệu đồng). Toàn bộ, các khoản nợ xấu trên đã được

trích lập dự phòng nợ khó đòi trên 99%, hoàn tất trong năm tài chính 2015.

6. Hoạt động đầu tư tài chính:

Nhìn chung hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty trong năm 2021 không có biến động gì lớn. Ngoài trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính bao gồm: TCT PETEC (đầu tư ban đầu 11,55 tỷ); PETEC LAND (đầu tư ban đầu 10 tỷ). Tổng lũy kế trích lập dự phòng đầu tư tài chính là: 14,329 tỷ đồng, (hoàn nhập dự phòng trong năm đối với Công ty Petec là: 906 trđ, hoàn nhập dự phòng Petec Land là: 20 trđ).

V. Công tác nhân sự, lao động và tiền lương:

Trên cơ sở tổng quỹ lương kế hoạch 2021 đã được duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 là 5,8 tỷ, tổng chi phí đã trả cho người lao động theo quyết toán 2021 đã được kiểm toán là: 5,818 tỷ. Trong đó: – lương bình quân: 14,2 trđ/người/tháng.

Công ty đã cơ cấu lại tổ chức nhằm mục đích nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí trên tổng số nhân sự là 34 người.

II. Định hướng phát triển của công ty trong năm 2022:

1. Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ phụ trợ kho:

- Hiện Công ty đã cho thuê 20.550m², đạt gần 90% diện tích kho 23.328m². Trong đó: khách hàng có thời hạn hợp đồng thuê trên 03 năm là 8.763m² đạt 37,6% tổng diện tích kho; khách hàng có thời hạn hợp đồng còn 01 năm là 10.712m² chiếm 46% tổng diện tích kho (trong đó Cty Circle-K là 5.346m² và Công ty gỗ Tân Nhật là 5.366m²). Hai khách hàng này khả năng gia hạn hợp đồng dài hạn là rất cao vì hiện khách hàng đang hoạt động rất tốt và ổn định thông qua lưu lượng hàng hóa xuất nhập kho. Phần diện tích 2.778m² đã hết hạn vào cuối năm 2021, Công ty vẫn đang đàm phán cho khách hàng mới thuê với giá bằng giá cũ hoặc tốt hơn nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- Thời gian tới, Công ty cố gắng cùng đồng hành và quan hệ tốt với các khách hàng hiện hữu để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh này.
- Trên cơ sở nguồn khách hàng thuê kho hiện tại, Công ty tiếp tục đàm phán nhằm tăng thêm khả năng cung ứng dịch vụ cho khách hàng, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của Công ty. Chuẩn bị sẵn sàng cho việc chuyển đổi công năng sử dụng của khu đất từ kinh

doanh kho bãi đơn thuần sang kinh doanh kho bãi kết hợp sản xuất, nhằm mở rộng nguồn khách hàng của Công ty.

2. Kinh doanh xăng dầu:

Với tình hình kinh doanh xăng dầu như hiện nay, Công ty cố gắng duy trì hoạt động bán buôn và bán khách hàng công nghiệp nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty, cũng như đạt lợi nhuận đủ để trang trải chi phí của bộ phận phụ trách kinh doanh ngành hàng này.

Về hoạt động bán lẻ xăng dầu, do tình hình giá xăng dầu có nhiều biến động, nhiều thời điểm chiết khấu hoa hồng về tới cây xăng bị âm, bán lẻ gặp nhiều khó khăn, xác định vì mục đích lâu dài, Cty đã cố gắng đảm bảo nguồn hàng, giữ chân và tìm kiếm khách hàng, nâng cao sản lượng, hướng tới tăng lợi nhuận khi điều kiện kinh doanh thuận lợi.

3. Chuyển nhượng và thanh lý tài sản:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua Tờ trình về việc chuyển nhượng CHXD số 01 tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, , HĐQT và Ban Điều hành sẽ tiếp tục nỗ lực tìm kiếm cơ hội để tổ chức đấu giá và hoàn thành việc chuyển nhượng tài sản đảm bảo đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã thông qua.

4. Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu và hoạt động khác:

- Kế hoạch trong năm 2022 chủ yếu tập trung vào công tác tìm kiếm khách hàng, nâng cao tay nghề, chuyên nghiệp hóa đội ngũ CBCNV hoạt động trong lĩnh vực trang trí quảng cáo tại cây xăng.

- Công ty sẽ triển khai hoạt động kinh doanh nông sản và các mặt hàng khác tùy thuộc vào thời điểm trong năm nếu điều kiện tài chính của Công ty cho phép và thị trường thuận lợi với mục tiêu chính của hoạt động này là đảm bảo kinh doanh không lỗ, tăng doanh thu, đảm bảo dòng tiền và lợi nhuận cho Công ty.

Tình hình tài sản:**Tài sản hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27,931,011,694	2,463,517,641	1,726,470,909		32,433,745,228

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2021

				312,744,984	
Tăng trong năm	217,624,730	-	-	-	217,624,730
				-	
Số dư cuối năm	28,148,636,424	2,463,517,641	1,726,470,909	312,744,984	32,651,369,958
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16,634,396,131	2,330,410,831	1,229,642,410	312,744,984	20,507,194,356
Khấu hao trong năm	1,175,373,312	107,822,707	184,638,423	-	1,467,834,442

Tài sản vô hình:

	01/4/2021	Tăng	31/3/2022
Nguyên giá	18,562,280,139	-	18,562,280,139
Giá trị hao mòn lũy kế	3,269,230,890	417,348,624	3,686,579,514
Giá trị còn lại	15,293,049,249		14,875,700,625

Tình hình công nợ khách hàng :

Tên khách hàng	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có
PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	8,988,031,606	366,470,166	9,301,079,504	379,110,000
Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư -CTCP				
CÔNG TY TNHH GR8 LOGISTICS SERVICES	14,080,000		2,484,000	
CTY TNHH SIMSON SOLAR				
CTY TNHH APEX SOLAR				
CTY TNHH GIDEON SOLAR				
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SPOWER	80,748,800		205,610,400	
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGỌC ANH	42,959,678		71,265,026	
CTY CỔ PHẦN BAO BÌ NÔNG SẢN MIỀN NAM	4,161,413			
CN CÔNG TY TNHH TM VÀ DV HÀ THANH SƠN- CN BÌNH DƯƠNG	1,494,596		1,717,134	
CTY TNHH TM SX GỖ TÂN NHẬT	3,484,427		8,920,666	
CTY TNHH JING BO VIET NAM			279,586	

Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư -CTCP	18,017,775		18,017,775	
Cty CP TM DV Dầu Khí Mạnh Hồ	1,530,840,000		1,530,840,000	
Cty CP Xuất nhập khẩu Tấn Phát	1,417,420,000		1,417,420,000	
Cty TNHH TM Ngọc Châu Minh		166		
Cty TNHH TM Vận tải Xăng Dầu Hoàng Hải	905,996,607		1,098,616,607	
CTY TNHH TM XĂNG DẦU NHẬT LUÂN	1,629,900,000		1,629,900,000	
CTY TNHH TM XĂNG DẦU AN AN	173,200,000		173,200,000	
CÔNG TY TNHH TM VÀ SX HÀN VIỆT HẢI				
Công ty TNHH Hoàng Trung An	870,500,000		870,500,000	
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XĂNG DẦU NGỌC DIỆP	73,155,010		73,155,010	
CTY TNHH MTV SẢN XUẤT XÂY DỰNG PHAN VŨ				
Công Ty Cổ Phần Công Viên MÔ TÔ				
CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN NÊM KIM CƯƠNG			240,800,000	
DNTN Kim Liên				
DNTN Thành Nam				
DNTN Tám Hà				
DNTN Vạn Phát				
DNTN Hoàng Búp				
DNTN Phước Hưng 1				
DNTN Huỳnh Quốc Thái	530,090,000		266,370,000	
DNTN Xuân Quang				
DNTN Chợ Giữa		366,470,000		379,110,000
DNTN VẠN LỢI RẠCH KIẾN				
DNTN VẠN LỢI LONG SƠN				
DNTN Trạm xăng dầu Văn Loan	1,691,983,300		1,691,983,300	
PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG	9,961,434,545	4,900,000,884	10,009,314,845	4,208,410,384
CN CTY CỔ PHẦN XNK MAY HẢI ANH			5,799,600	
Tổng Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư -CTCP		4,899,901,584		4,208,410,384
Cty TNHH TM - DV Nông Sản Bắc Hà	7,416,824,161		7,416,824,161	
Công ty CP Phát triển thông tin kinh tế ĐEN VI NA				
HTX Xe Vận Tải & Du Lịch Quận 7				
NH TMCP KỸ THƯƠNG VN (TECHCOMBANK)- CN HCM	110,000,000		110,000,000	
CTY CP XĂNG DẦU NAM		99,300	1,380,700	

VIỆT SÀI GÒN			
CÔNG TY CỔ PHẦN TS24			
CTY BẢO HIỂM PJICO SÀI GÒN			
CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỄN THÔNG THIÊN PHÚC			
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT- CN TP HCM			
CTY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM			
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TÂN PHI VÂN			
CTY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP N & T			
CÔNG TY CP HAI BỐN BẢY			
CTY CP SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚC DUY			
CTY TNHH GIANG VĨNH TƯỜNG			
CÔNG TY BẢO HIỂM MIC TÂN SƠN NHẤT			
CTY CP BẢO HIỂM AAA CN NAM SÀI GÒN			
CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NAM T&D			
CTY CP THƯƠNG MẠI HÀNG KHÔNG MIỀN NAM			
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HƯƠNG CAU			
CTY TNHH TM VÀ DV VĂN PHÒNG TUẤN LIÊM			
TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VN CN TẠI TP HCM			
NGUYỄN MINH TRANG			
Công ty TNHH Thanh Thủy	2,434,610,384		2,434,610,384
HỘ KINH DOANH ACAPHE.COM			
CTY TNHH ĐẦU TƯ TMDV QUẢNG CÁO ĐẠI LỢI			
CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN SƠN NAM			
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGỌC ANH			
CN CÔNG TY TNHH TM VÀ DV HÀ THANH SƠN- CN BÌNH DƯƠNG			
CTY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HỒNG HÀ			
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔ VIỆT			

CTY TNHH MTV XNK SẢN XUẤT TM DẦU KHÍ PETROL LIFE			7,700,000	
CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH CN ĐÀ NẴNG			33,000,000	
NHẬN KÝ CƯỚC KÝ QUỸ DÀI HẠN		6,465,548,900		5,144,064,500
DASS TECH. CO., LTD		695,100,000		695,100,000
CTY TNHH ĐẦU TƯ PHƯỚC SƠN		40,000,000		40,000,000
CÔNG TY TNHH GR8 LOGISTICS SERVICES		876,000,000		876,000,000
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGỌC ANH		166,666,500		166,666,500
CTY CỔ PHẦN BAO BÌ NÔNG SẢN MIỀN NAM		1,321,484,400		
CN CÔNG TY TNHH TM VÀ DV HÀ THANH SƠN- CN BÌNH DƯƠNG		827,106,000		827,106,000
CTY TNHH TM SX GỖ TÂN NHẬT		1,192,000,000		1,192,000,000
CTY TNHH JING BO VIET NAM		1,347,192,000		1,347,192,000
KÝ QUỸ DÀI HẠN	166,000,000		166,000,000	
NGUYỄN ĐĂNG CHIẾN	66,000,000		66,000,000	
DNTN KINH DOANH XĂNG DẦU NGUYỄN XUÂN	75,000,000		75,000,000	
KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN	25,000,000		25,000,000	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Không có

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải): Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Công ty đã thực hiện đúng những gì trong nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban Giám Đốc đã hoàn thành công việc được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

1. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tìm kiếm các đối tác, khách hàng ...có nhu cầu sử dụng dịch vụ khai thuê hải quan, vận chuyển.
2. Tiếp tục đàm phán với Ngân hàng để giảm lãi suất trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trần, tái tài trợ tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tài chính để huy động thêm nguồn vốn từ cán bộ công nhân viên công ty cũng như từ bên ngoài nhằm tăng nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Chú trọng nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn cho CBCNV thông qua việc hỗ trợ kinh phí học tập. Vun đắp truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa CBCNV và Công ty thông qua các hoạt động tập thể như du lịch, gặp mặt gia đình CBCNV, lao động XHCN... Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng đoàn kết, thân thiện, nhiệt huyết cả về đối nội lẫn đối ngoại.

V. Quản trị công ty:

Trong năm 2022, nhằm kịp thời chỉ đạo toàn diện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ngoài những cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ, Hội Đồng Quản Trị còn tổ chức những cuộc họp bất thường đối với một số vấn đề cần giải quyết, việc quản trị điều hành của Hội Đồng Quản Trị là xuyên suốt và xoay quanh các vấn đề như:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022.
- Tập trung vào việc tìm kiếm khách hàng thuê kho.
- Cắt giảm các nguyên nhân gây lỗ...
- Thúc đẩy công tác xử lý và thu hồi nợ khó đòi.
- Tiết giảm chi phí như: giảm chi phí thường xuyên và lao động dôi dư.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Petec tại ngày 31/03/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo về khả năng hoạt động liên tục của Công ty như được trình bày tại Mục VIII.5 - trang 31 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Công ty là 81.517.570.169 VND. Đến thời điểm 31 tháng 3 năm 2022, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số 400) bị âm 7.663.008.479 VND và nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 34.970.789.807 VND. Những yếu tố này làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm những điều chỉnh (nếu có) phát sinh từ sự kiện nêu trên.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

A- Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	4,646,164,032	4,760,397,454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	942,738,586	1,541,812,620
1. Tiền	111	942,738,586	1,541,812,620
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2,184,021,385	2,726,896,716
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9,663,339,010	9,335,262,058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10,009,314,845	9,961,434,545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	842,041,289	1,028,607,812
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-18,355,080,399	-17,598,407,699
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	24,406,640	
IV. Hàng tồn kho	140	1,451,359,780	394,479,726
1. Hàng tồn kho	141	1,451,359,780	394,479,726
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	68,044,281	97,208,392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	68,044,281	94,971,978
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,236,414
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	33,299,605,867	34,283,031,762
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	166,000,000	166,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216	166,000,000	166,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		

II. Tài sản cố định	220	25,552,041,785	27,219,600,121
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10,676,341,160	11,926,550,872
- Nguyên giá	222	32,651,369,958	32,433,745,228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	-21,975,028,798	-20,507,194,356
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	14,875,700,625	15,293,049,249
- Nguyên giá	228	18,562,280,139	18,562,280,139
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-3,686,579,514	-3,269,230,890
III. Bất động sản đầu tư	230		
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7,225,475,335	6,299,942,461
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10,000,000,000	10,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11,554,567,000	11,554,567,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-14,329,091,665	-15,254,624,539
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	356,088,747	597,489,180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	356,088,747	597,489,180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
5. Lợi thế thương mại	269		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	37,945,769,899	39,043,429,216
NGUỒN VỐN	.		
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	45,016,730,839	48,664,503,739
I. Nợ ngắn hạn	310	39,872,666,339	42,198,954,839
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6,566,547,742	6,978,505,122
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	379,110,000	366,470,166
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	151,459,032	274,673,245
4. Phải trả người lao động	314		
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	209,420,720	35,836,500
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	897,874,020	736,180,506
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5,430,649,825	5,659,704,700
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26,237,605,000	28,147,584,600
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330	5,144,064,500	6,465,548,900
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2021

7. Phải trả dài hạn khác	337	5,144,064,500	6,465,548,900
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	-7,070,960,940	-9,621,074,523
I. Vốn chủ sở hữu	410	-7,070,960,940	-9,621,074,523
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	71,925,500,000	71,925,500,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	71,925,500,000	71,925,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	1,929,061,690	1,929,061,690
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-80,925,522,630	-83,475,636,213
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-83,475,636,213	-84,893,758,408
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2,550,113,583	1,418,122,195
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	37,945,769,899	39,043,429,216

B- Bảng kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	82,312,293,451	69,259,294,316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	82,312,293,451	69,259,294,316
4. Giá vốn hàng bán	11	71,001,594,795	58,180,829,397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20	11,310,698,656	11,078,464,919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	40,849,375	37,858,228
7. Chi phí tài chính	22	1,330,788,263	3,177,594,755
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2,256,321,137	2,767,639,240
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		
9. Chi phí bán hàng	25	2,241,469,483	2,656,134,299
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,159,176,868	4,090,081,291

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2021

11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) + 24 - (25+26))	30	2,620,113,417	1,192,512,802
12. Thu nhập khác	31	166	242,959,393
13. Chi phí khác	32	70,000,000	17,350,000
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	-69,999,834	225,609,393
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	2,550,113,583	1,418,122,195
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	0	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	2,550,113,583	1,418,122,195
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	355	197
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	355	197

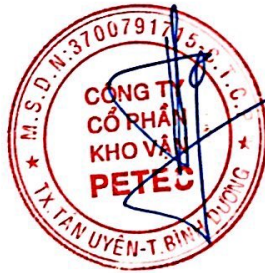
C- Bảng lưu chuyển tiền tệ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2,550,113,583	1,418,122,195
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1,885,183,066	1,922,093,921
- Các khoản dự phòng	03	-168,860,174	426,637,265
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-39,916,735	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-932,640	-11,517,780
- Chi phí lãi vay	06	2,256,321,137	2,767,639,240
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6,481,908,237	6,522,974,841
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	-211,270,871	83,072,459
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1,056,880,054	-61,561,483
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1,697,570,296	2,593,177,591
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	268,328,130	-272,263,452
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	2,256,321,137	2,767,639,240
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,528,194,009	6,097,760,716
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-217,624,730	

CÔNG TY CP KHO VẠN PETEC Báo cáo thường niên năm 2021

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10,909,091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	932,640	608,689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-216,692,090	11,517,780
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	49,361,190,20 0	45,944,943,00 0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	51,271,169,80 0	50,635,914,40 0
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-264,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1,909,979,600	4,954,971,400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	-598,477,681	1,154,307,096
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,541,812,620	387,505,524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-596,353	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	942,738,586	1,541,812,620

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Huỳnh Xuân Hồng